

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



ĐỀ ÁN
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học

Tên tiếng Anh: Teaching Theory and Methodology

Mã ngành: 8140110

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3527/QĐ-ĐHĐT ngày 25 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

ĐỒNG THÁP, NĂM 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP



ĐỀ ÁN
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học

Tên tiếng Anh: Teaching Theory and Methodology

Mã ngành: 8140110

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3527/QĐ-ĐHĐT ngày 25 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

ĐỒNG THÁP, NĂM 2023

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN..... | 1 |
| I. Giới thiệu sơ lược về Trường đại học Đồng Tháp..... | 1 |
| 1. Quá trình hình thành và phát triển..... | 1 |
| 2. Sứ mạng tầm nhìn..... | 2 |
| II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ..... | 2 |
| PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP..... | 5 |
| I. Khái quát chung về quá trình đào tạo..... | 5 |
| 1. Các ngành đào tạo và hình thức đang đào tạo..... | 5 |
| 2. Quy mô đào tạo..... | 7 |
| 3. Hoạt động đào tạo ngành Sư phạm..... | 7 |
| II. Điều kiện về chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo..... | 7 |
| 1. Chương trình đào tạo..... | 7 |
| 2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo..... | 13 |
| III. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ Thạc sĩ..... | 24 |
| 1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa..... | 25 |
| 2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học thực hiện chương trình đào tạo..... | 25 |
| 3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ Thạc sĩ..... | 26 |
| 4. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học..... | 26 |
| IV. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo..... | 27 |
| V. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo..... | 27 |
| VI. Hoạt động nghiên cứu khoa học..... | 28 |
| VII. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học..... | 29 |
| VIII. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo..... | 30 |
| IX. Tóm tắt quá trình xây dựng Đề án..... | 27 |
| X. Cam kết thực hiện..... | 33 |

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2023

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

Mã số: **8140110**; Trình độ: **Thạc sĩ**

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

1. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Đồng Tháp là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), được thành lập theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5830/CVCP-KGVX ngày 04/9/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp (sau đây gọi chung là Trường). Nhiệm vụ chủ yếu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ cộng đồng khác, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Sau 5 năm thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển 2006 – 2010, Trường Đại học Đồng Tháp đã phát triển vượt bậc và trở thành một trường đại học đa trình độ, đa lĩnh vực.

a) Bộ máy

Trường hiện có 11 khoa đào tạo, 13 phòng chức năng, 05 trung tâm và 01 trường thực hành sư phạm mầm non. Đội ngũ viên chức của Trường hiện có 533 người. Trong đó, có 493 viên chức (387 viên chức giảng dạy và 106 viên chức hành chính, hỗ trợ phục vụ) và 40 nhân viên. Trình độ đội ngũ viên chức giảng dạy: 14 phó giáo sư, 86 tiến sĩ, 280 thạc sĩ và 12 cử nhân đại học (giáo viên mầm non).

b) Đào tạo

Trường hiện có 01 ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ (ngành Quản lý giáo dục) và 11 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ (ngành: Giáo dục Tiểu học, Quản lý giáo dục, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, Lịch sử Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Khoa học máy tính, Vật lý lý thuyết và vật lý toán; 37 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng. Trường đang đào tạo 23 nghiên cứu sinh, 571 học cao học, 6.481 sinh viên chính quy và 8.000 sinh viên hệ liên thông, vừa làm vừa học tại 33 cơ sở liên kết đào tạo thuộc các tỉnh trong và ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Kiểm định chất lượng

Trường đã đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 (2022-2027) theo giấy chứng nhận số 71-2022/GCN-CSGDĐH do Trung tâm kiểm

định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022. Trường đã có 16 chương trình đào tạo được kiểm định, bao gồm: SP Toán học, SP Hoá học, SP Ngữ Văn, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Chính trị, Khoa học môi trường, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, SP Tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, SP Vật lý, SP Địa lý, SP Lịch sử, Giáo dục Mầm non, Khoa học máy tính, Việt Nam học.

Trường đang triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 với các mục tiêu và giải pháp đồng bộ nhằm đưa nhà trường tiếp tục phát triển theo Triết lý giáo dục: *Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập*, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược Giáo dục và Đào tạo, chiến lược Khoa học và Công nghệ của Quốc gia.

2. Sứ mạng tầm nhìn

a) Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b) Tầm nhìn: Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

c) Triết lý giáo dục: Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Trường Đại học Đồng Tháp mở mã ngành đào tạo Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ xuất phát từ các lý do chính sau:

1. Đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích khoảng 40,55 nghìn km², dân số khoảng 17,39 triệu người, chiếm khoảng 19,59% dân số cả nước. Số người đang trong độ tuổi lao động chiếm gần 59,85% dân số vùng; hàng năm đóng góp gần 20% GDP của cả nước. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng hóa lớn nhất Việt Nam, hàng năm sản xuất khoảng 50% sản lượng lúa, 52% sản lượng thủy sản, đóng góp khoảng 90% lượng gạo xuất khẩu và khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong những năm gần đây, khu vực ĐBSCL đã có những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Tỷ lệ phần trăm người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 93,10% (bình quân cả nước là 94,7%). Số trường Trung học phổ thông (THPT) và Trung học Cơ sở (THCS) cũng như số lớp và số học sinh tương ứng trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) và của tỉnh Đồng Tháp (số liệu thống kê từ phần mềm PMIS cập nhật đến tháng 11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo), cụ thể như sau:

Bảng 1. Bảng số liệu thống kê nguồn nhân lực có nhu cầu về đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học ở khu vực ĐBSCL

| TT | Nội dung | Trung học phổ thông | | Trung học cơ sở | |
|----|---|---------------------|---------|-----------------|---------|
| | | Đồng Tháp | ĐBSCL | Đồng Tháp | ĐBSCL |
| 1 | Tổng số trường | 44 | 377 | 144 | 1,407 |
| 2 | Tổng số lớp học | 1069 | 9,159 | 2556 | 24,974 |
| 3 | Tổng số học sinh | 40230 | 344,698 | 92500 | 903,802 |
| 4 | Tổng số Giáo viên | 2715 | 23,263 | 4131 | 40,363 |
| 5 | Tổng số Giáo viên lĩnh vực KHTN | 742 | 10.046 | 1.078 | 14.018 |
| 6 | Tổng số Giáo viên lĩnh vực KHTN có trình độ Thạc sĩ | 176 | 2240 | 19 | 255 |

Toàn tỉnh Đồng Tháp có 1820 giáo viên dạy môn học thuộc lĩnh vực tự nhiên bậc THCS&THPT (trong đó giáo viên có trình độ thạc sĩ 195 chiếm tỉ lệ 10,71%, giáo viên có trình độ đại học 1542 chiếm tỉ lệ 84,73% và giáo viên có trình độ Cao đẳng 83 chiếm tỉ lệ 4,56%). Tỉ lệ giáo viên ở Trường phổ thông có trình độ thạc sĩ tương đối cao, cho thấy sự quan tâm của ngành Giáo dục và các cấp chính quyền trong tỉnh cũng như nhu cầu học tập nâng cao trình độ thạc sĩ của giáo viên phổ thông là tương đối lớn.

Ngành Lý luận và phương pháp dạy học có vị trí rất quan trọng đối với ngành SP Khoa học tự nhiên, bao gồm khoa học lý thuyết và khoa học công nghệ ứng dụng. Có thể nói rằng chuyên ngành này cung cấp hầu hết các khung lý thuyết nền tảng và phương pháp luận khoa học cho ngành SP Khoa học tự nhiên, là “xương sống” trong khoa học Giáo dục. Kết quả thăm dò sinh viên đại học tốt nghiệp tại Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy, khoảng trên 10% sinh viên có nhu cầu học cao học ngay khi ra trường để tăng cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao trình độ và tăng cơ hội để phát triển sau này, trên 7% có ý định học thạc sĩ khi có việc làm ổn định và khoảng 10% sẽ học khi có điều kiện, nhất là điều kiện về tài chính và thuận tiện trong việc đi lại, học tập, công tác. Kết quả khảo sát cũng cho thấy số thí sinh tự do học cao học liên kết tại Trường ĐHDT năm sau luôn cao hơn năm trước.

Kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng, các nhà quản lý cơ sở giáo dục về vấn đề đơn vị cần tuyển dụng và nhu cầu đưa người lao động đi học sau đại học ngành “Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học” nhằm nâng cao năng lực của giáo viên và giảng viên ở các đơn vị cho thấy, các đơn vị đều đang rất cần cử người đi học sau đại học ngành “Lý luận và phương pháp dạy học”. Nhu cầu cử người đi học sau đại học của các nhà sử dụng lao động từ 01 đến 5 người ghi nhận là 20%, và trên 5 người là 80%, điều này cho thấy nhu cầu cử người đi học sau đại học ngành “Lý luận và phương pháp dạy học” là rất cao.

Với số lượng sinh viên ngành Khoa học tự nhiên tốt nghiệp tại Trường Đại học Đồng Tháp và các trường khác trong và ngoài khu vực ĐBSCL trong những năm qua (kể cả sinh viên trong và ngoài SP), nhu cầu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời có được học vị thạc sĩ và nhu cầu đưa người lao động đi học từ các cơ sở giáo dục là rất lớn. Việc cho phép Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học trình độ thạc sĩ là phù hợp với nhu cầu của người học trong và ngoài khu vực, đáp ứng được sự thiếu hụt giáo viên trình độ cao, cán bộ kỹ thuật của địa phương và xã hội, phù hợp với đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo kết luận của Hội nghị lần thứ 6, BCH Trung ương Đảng khóa XI.

2. Đáp ứng xu hướng phát triển của ngành Lý luận và phương pháp dạy học trong bối cảnh hội nhập và tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và CMCN 4.0, việc đào tạo các bậc học, đặc biệt là các bậc học bậc cao, theo hướng đa ngành đang là xu thế tất yếu, bởi người lao động trong kỷ nguyên CMCN 4.0 đòi hỏi trang bị nền tảng kiến thức rộng và có tư duy tổng hợp. Trong bối cảnh chung của sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ, các thực nghiệm ảo dần có xu hướng thay thế các thực nghiệm thật trong việc giảng dạy, việc ứng dụng ICT trong dạy học hiệu quả, nên cần lực lượng cán bộ, giáo viên đáp ứng về năng lực chuyên môn cao và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ, đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Đồng Tháp.

Trường Đại học Đồng Tháp là cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có sứ mệnh Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Nhận thức được các tác động của bối cảnh hội nhập và CMCN 4.0, Đại học Đồng Tháp đã đề ra những giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược theo định hướng tiếp tục đào tạo có chất lượng các ngành đào tạo hiện có đồng thời nghiên cứu mở rộng một số ngành học theo nhu cầu xã hội, trong đó có kế hoạch mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học trình độ thạc sĩ.

Việc mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học tại Trường Đại học Đồng Tháp chính là một định hướng đúng đắn, thoả mãn được cùng lúc các nhu cầu lớn. Một là, thoả mãn được nguyện vọng của người dân Đồng Tháp còn nhiều khó khăn, điều kiện kinh tế hạn chế, con em có điều kiện học thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học ngay tại địa phương. Thứ hai, việc mở ngành Lý luận và Phương pháp dạy học đáp ứng mong mỏi của các cơ quan nhà nước Đồng Tháp, nhất là Sở Giáo dục và Đào tạo, trong việc bổ sung nhân lực có trình độ Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học. Thứ ba, phát huy và tạo cơ hội phát triển cho đội ngũ giảng viên có học vị tiến sĩ, thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp và cơ quan ban ngành trong tỉnh Đồng Tháp. Thứ tư, góp phần giải quyết nhu cầu phát triển, mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo và triển khai chương trình đào tạo đại Thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp trong lộ trình trở thành cơ sở đào tạo tự chủ và nâng cao

trách nhiệm giải trình.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học tại Trường Đại học Đồng Tháp là cấp thiết và hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

PHẦN II. NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

I. Khái quát chung về quá trình đào tạo

1. Các ngành đào tạo và hình thức đang đào tạo

- Đào tạo trình độ Đại học:

| STT | Chính quy | STT | Liên thông |
|------------|---------------------------|------------|-----------------------|
| 1 | Giáo dục Tiểu học | 1 | Giáo dục Tiểu học |
| 2 | Giáo dục Mầm non | 2 | Giáo dục Mầm non |
| 3 | Giáo dục Thể chất | 3 | Giáo dục Thể chất |
| 4 | Sư phạm tiếng Anh | 4 | Sư phạm tiếng Anh |
| 5 | Ngôn Ngữ Anh | 5 | Ngôn Ngữ Anh |
| 6 | Ngôn ngữ Trung Quốc | 6 | Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 7 | Quản trị kinh doanh | 7 | Quản trị kinh doanh |
| 8 | Tài chính – Ngân hàng | 8 | Tài chính – Ngân hàng |
| 9 | Kế toán | 9 | Kế toán |
| 10 | Khoa học môi trường | 10 | Khoa học môi trường |
| 11 | Quản lý đất đai | 11 | Quản lý đất đai |
| 12 | Nuôi trồng thủy sản | 12 | Nuôi trồng thủy sản |
| 13 | Nông học | 13 | Nông học |
| 14 | Sư phạm Vật lý | 14 | Sư phạm Vật lý |
| 15 | Sư phạm Hóa học | 15 | Sư phạm Hóa học |
| 16 | Sư phạm Sinh học | 16 | Sư phạm Sinh học |
| 17 | Sư phạm Công nghệ | 17 | Sư phạm Công nghệ |
| 18 | Sư phạm Khoa học Tự nhiên | 18 | Giáo dục Chính trị |
| 19 | Giáo dục Chính trị | 19 | Sư phạm Lịch sử |

| | | | |
|----|---------------------------|----|----------------------------------|
| 20 | Sư phạm Lịch sử | 20 | Sư phạm Địa lý |
| 21 | Sư phạm Địa lý | 21 | Sư phạm Âm nhạc |
| 22 | Sư phạm Lịch sử và Đại lý | 22 | Sư phạm Mỹ thuật |
| 23 | Sư phạm Âm nhạc | 23 | Sư phạm Ngữ văn |
| 24 | Sư phạm Mỹ thuật | 24 | Sư phạm Tin học |
| 25 | Sư phạm Ngữ văn | 25 | Sư phạm Toán học |
| 26 | Sư phạm Tin học | 26 | Khoa học máy tính |
| 27 | Sư phạm Toán học | 27 | Việt Nam học |
| 28 | Khoa học máy tính | 28 | Quản lý văn hóa |
| 29 | Việt Nam học | 29 | Công tác xã hội |
| 30 | Quản lý văn hóa | 30 | Sư phạm Khoa học tự nhiên |
| 31 | Công tác xã hội | 31 | Sư phạm Lịch sử và Địa lí |
| 32 | Tâm lý học giáo dục | 34 | Luật |
| 33 | Địa lý học | 35 | Công nghệ sinh học |
| 36 | Công nghệ thông tin | 37 | Quản lý tài nguyên và môi trường |

- Đào tạo trình độ sau đại học:

+ Tiến sĩ: Quản lý giáo dục

+ Thạc sĩ 11 ngành đào tạo gồm:

| STT | Thạc sĩ | STT | Thạc sĩ |
|-----|--|-----|---|
| 1 | Giáo dục Tiểu học | 7 | Quản lý kinh tế |
| 2 | Hóa lý thuyết và hóa lý | 8 | Khoa học môi trường |
| 3 | Quản lý giáo dục | 9 | Khoa học máy tính |
| 4 | Lịch sử Việt Nam | 10 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |
| 5 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán | 11 | Vật lý lý thuyết và vật lý toán |

| | | | |
|---|-------------------|--|--|
| 6 | Ngôn ngữ Việt Nam | | |
|---|-------------------|--|--|

(Nguồn từ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2023)

2. Quy mô đào tạo

a) Quy mô đào tạo trình độ Đại học

Trường hiện có 37 ngành đào tạo trình độ đại học với quy mô đào tạo hiện nay là 6.481 sinh viên và 8.000 học viên hệ liên thông, vừa học vừa làm tại 33 cơ sở liên kết đào tạo thuộc các tỉnh trong và ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Quy mô đào tạo trình độ sau đại học

Trường hiện có 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và 11 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Hiện trường đang đào tạo 23 nghiên cứu sinh, 571 học cao học.

3. Hoạt động đào tạo ngành Sư phạm dạy các môn thuộc lĩnh vực Khoa học tự nhiên

- Năm mở mã ngành (Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp: 2004

- Quy mô đào tạo ngành: Kể từ khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2004, đến nay ngành SP Vật lý đã đào tạo được 14 khóa tuyển sinh với quy mô 536 sinh viên. Trong đó tỷ lệ tốt nghiệp trình độ cử nhân là 438 sinh viên đạt khoảng 82,0% và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp trung bình của ngành là 76,2% (tính trong hai năm gần đây).

| Số lượng sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2014-2022 | | | | | | | | | | |
|---|-----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Hệ đào tạo | Năm | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
| | Chính quy | | 38 | 5 | 1 | x | x | 23 | 29 | 1 |
| Liên thông | | 111 | 2 | 50 | 41 | 71 | 35 | 109 | 160 | N/A |

(Nguồn từ Phòng Đào tạo Trường Đại học Đồng Tháp)

II. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học
- Mã ngành đào tạo: 8140110
- Tên chương trình đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học
 - + Tiếng Anh: Teaching Theory and Methodology
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Đề án được xây dựng trên các cơ sở pháp lý sau:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của BCH TW (Hội nghị TW 8, khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành giáo dục đào tạo của giáo dục đại học.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Quyết định số 1546/QĐ-ĐHĐT ngày 14/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

- Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp.

- Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 05/01/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp, Kỳ họp lần thứ 14 nhiệm kỳ 2020-2025.

- Kế hoạch số 173/KH-ĐHĐT ngày 10/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

1.3. Mô tả tóm tắt chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu đào tạo

1.3.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành “Lý luận và phương pháp dạy học” có năng lực chuyên môn sâu trong lĩnh vực dạy học; có năng lực nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới hoạt động dạy học trong lĩnh vực giáo dục phổ thông; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có khả năng thích ứng trong thực tế dạy học

1.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Trang bị cho người học những vấn đề nâng cao về tư duy lý luận, tư duy biện chứng, việc khai thác tiếng Anh trong chuyên môn, cơ sở của một số nội dung môn học hiện đại, nghiên cứu lý luận và phương pháp dạy học ở giáo dục phổ thông

- **PO2:** Có kiến thức chuyên môn sâu về khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp giáo dục phổ thông và học tập suốt đời.

- **PO3:** Có năng lực tổ chức chuyên nghiệp các hoạt động dạy học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; Có năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục, ứng dụng và đổi mới hoạt động dạy học trong giáo dục phổ thông.

- **PO4:** Có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ và tư duy sáng tạo; Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tế thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục; Có khả năng thích ứng trong thực tế dạy học và tích cực tham gia hoạt động trao đổi học thuật trong lĩnh vực giáo dục.

1.3.2. Chuẩn đầu ra

1.3.2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| PLOs | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs – Program Learning Outcomes) | Mức độ năng lực |
|---------------------|--|-----------------|
| 1. Kiến thức | | |
| PLO1 | Thể hiện được trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân. Áp dụng hiệu quả Tiếng Anh cho các hoạt động dạy học ở giáo dục phổ thông. | 3/6 |
| PLO2 | Phân tích được kiến thức cơ sở khoa học liên ngành và khoa học giáo dục hiện đại; Phân biệt được các vấn đề về lý luận dạy học làm cơ sở cho việc nghiên cứu lý luận và phương pháp dạy học môn học. | 4/6 |
| PLO3 | Nhận định đúng đắn về lý luận và phương pháp dạy học. Đánh giá được những phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục phổ thông, phương pháp đánh giá kết quả học tập trong xu thế đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. | 5/6 |
| PLO4 | Đánh giá được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, kinh nghiệm thực tiễn trong nghiên cứu khoa học giáo dục bộ môn, hoạt động giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm môn học ở phổ thông. | 5/6 |
| 2. Kỹ năng | | |
| PLO5 | Thực hiện thành thạo việc phân tích về chương trình sách giáo khoa môn học ở phổ thông; Thực hiện linh hoạt và có hiệu quả các | 4/5 |

| PLOs | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs – Program Learning Outcomes) | Mức độ năng lực |
|--|---|--------------------------|
| | phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các lĩnh vực khoa học ở các cơ sở giáo dục phổ thông. | |
| PLO6 | Thực hiện thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong thực tiễn dạy học bộ môn. | 4/5 |
| PLO7 | Thực hiện thành thạo hoạt động giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm vào dạy học các môn học trong các cơ sở giáo dục phổ thông. | 4/5 |
| PLO8 | Thiết kế thành thạo các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ số vào tổ chức các hoạt động dạy học ở các cơ sở giáo dục phổ thông. | 4/5 |
| 3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm | | |
| PLO9 | Có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong các hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn và gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp. | 4/5 |
| PLO10 | Tôn trọng, hợp tác, sáng tạo trong công việc và trong hoạt động tập thể. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. | 4/5 |
| PLO11 | Trung thực trong chuyên môn và trong cuộc sống; Không ngừng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn cho sự tiến bộ của tập thể và bản thân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước. | 5/5 |

1.3.2.2. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào

| Mục tiêu của CTĐT | | Chuẩn đầu ra của CTĐT | | | | | | | | | | |
|---|---|-----------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ ngành “Lý luận và phương pháp dạy học” có năng lực chuyên môn sâu trong lĩnh vực dạy học; có năng lực nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới hoạt động dạy học trong lĩnh vực giáo dục phổ thông; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có khả năng thích ứng trong thực tế dạy học. | | | | | | | | | | | | |
| Mục tiêu cụ thể: | | | | | | | | | | | | |
| PO1 | Trang bị cho người học những vấn đề nâng cao về tư duy lý luận, tư duy biện chứng, việc | X | X | | | X | | | | | | |

1.3.2.3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc thạc sĩ

| Kiến thức | Kỹ năng | Mức tự chủ và trách nhiệm |
|---|---|---|
| <p>KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.</p> <p>KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.</p> | <p>KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.</p> <p>KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> | <p>TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.</p> <p>TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</p> <p>TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p> |

1.3.2.4. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ thạc sĩ (Bậc 7)

| CDR theo Khung trình độ QG | Kiến thức | | | Kỹ năng | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
|----------------------------|-----------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | K T1 | K T 2 | K T 3 | K N 1 | K N 2 | K N 3 | K N 4 | K N 5 | T C T N 1 | T C T N 2 | T C T N 3 | T C T N 4 |
| Chuẩn đầu ra CTĐT | | | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 |
| PLO1 | | X | X | | | | | X | | | | |
| PLO2 | | X | X | | | | | | | | | |
| PLO3 | X | X | | | | | | | | | | |
| PLO4 | X | X | | | | | | | | | | |
| PLO5 | | | | X | X | | | | | | | |
| PLO6 | | | | X | | | X | | | | | |
| PLO7 | | | | | | X | | X | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|-------|--|--|--|--|--|---|---|--|---|---|---|---|
| PLO8 | | | | | | X | X | | | | | |
| PLO9 | | | | | | | | | X | | X | |
| PLO10 | | | | | | | | | X | X | | |
| PLO11 | | | | | | | | | | | X | X |

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng và hoàn thiện dựa trên kết quả khảo ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra (phụ lục 3, phần Phụ lục).

1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối lượng kiến thức chung: Bắt buộc: 10 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: Bắt buộc: 9 tín chỉ; Tự chọn: 6 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức chuyên ngành: Bắt buộc: 14 tín chỉ; Tự chọn: 6 tín chỉ.
- Khối kiến thức thực hành, thực tế: Bắt buộc: 6 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ.
- Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: 9 tín chỉ.

Tỷ lệ giữa các khối kiến thức

| Stt | Thành phần | Số tín chỉ | | Tỷ lệ % |
|-------------------|-----------------------------------|------------|-----------|-------------|
| | | Bắt buộc | Tự chọn | |
| 1 | Khối kiến thức chung | 10 | 0 | 17% |
| 2 | Khối kiến thức cơ sở ngành | 09 | 06 | 25% |
| 3 | Khối kiến thức chuyên ngành | 14 | 06 | 33% |
| 4 | Khối kiến thức thực hành, thực tế | 06 | 0 | 10% |
| 5 | Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ | 09 | 0 | 15% |
| TỔNG CỘNG: | | 45 | 15 | |
| | | 60 | | 100% |

1.3.4. Khung chương trình đào tạo chi tiết

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Giờ tín chỉ | | | Tiến độ |
|---------------------------|-------------|--------------|------------|-------------|-----|-----|---------|
| | | | | LT | ThH | TH | |
| I. Kiến thức chung | | | 10 | | | | |
| 1 | GPS.801 | Triết học | 4 | 60 | 00 | 140 | 1 |

| | | | | | | | |
|-----------------------------------|---------|---|-------------|----|----|-----|---|
| | | <i>Philosophy</i> | | | | | |
| 2 | GEP.801 | Tiếng Anh <i>English</i> | 6 | 60 | 60 | 180 | 1 |
| II. Kiến thức cơ sở ngành | | | 15 | | | | |
| 2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc | | | 9 | | | | |
| 3 | TTM.801 | Lý luận dạy học hiện đại <i>Theory of teaching Modern</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| 4 | TTM.802 | Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>Development of the general education program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| 5 | TTM.803 | Thống kê ứng dụng trong khoa học giáo dục <i>Applied statistics in educational science</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| 2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn | | | 6/12 | | | | |
| 6 | TTM.804 | Dạy học số <i>Digital Training</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 7 | TTM.805 | Phương pháp và công nghệ dạy học hiện đại <i>Modern teaching methods and technology</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 8 | TTM.806 | Giáo dục vì sự phát triển bền vững <i>Education for sustainable development</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 9 | TTM.807 | Tổ chức hoạt động nhận thức và tích cực hóa quá trình học tập <i>Organizing the cognitive activities and promoting the</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |

| | | | | | | | |
|---|---------|---|-------------|----|----|----|---|
| | | <i>learning process</i> | | | | | |
| III. Kiến thức chuyên ngành | | | 20 | | | | |
| <i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i> | | | <i>14</i> | | | | |
| 10 | TTM.808 | <p>Đạy học phát triển năng lực và phẩm chất của người học ở trường phổ thông</p> <p><i>Teaching to develop the capacity and qualities of learners in high schools</i></p> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 11 | TTM.809 | <p>Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học</p> <p><i>Assessment in education towards development qualities and competencies of Students</i></p> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 12 | TTM.810 | <p>Thiết kế phương tiện và học liệu dạy học ở trường phổ thông</p> <p><i>Designing facilities and materials of teaching in high schools</i></p> | 2 | 20 | 20 | 60 | 2 |
| 13 | TTM.811 | <p>Giáo dục STEM ở trường phổ thông</p> <p><i>Stem education in High school</i></p> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 14 | TTM.812 | <p>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục</p> <p><i>Methods of scientific research in education</i></p> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| <i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i> | | | <i>6/21</i> | | | | |
| 15 | TTM.813 | <p>Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ở trường phổ thông</p> <p><i>Practical experience and career guidance in high school</i></p> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |

| | | | | | | | |
|------------------------------|---------|--|----------|----|----|----|---|
| 16 | TTM.814 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình hóa học phổ thông <i>Some modern problems in the general chemistry program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 17 | TTM.815 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình vật lí phổ thông <i>Some modern problems in the general physic program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 18 | TTM.816 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình khoa học tự nhiên phổ thông <i>Some modern problems in the general natural science program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 19 | TTM.817 | Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong dạy học <i>Applying information and communication technology in teaching</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 20 | TTM.818 | Dạy học tích hợp và phân hóa <i>Integrated and differentiated teaching</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 21 | TTM.819 | Các xu hướng mới trong dạy học (Hóa học, Vật lí, Khoa học tự nhiên) ở trường phổ thông <i>New trends in subject teaching (Chemistry/Physics/Natural Sciences) in high school.</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| IV. Thực tập, thực tế | | | 6 | | | | |
| 22 | TTM.820 | Thực hành xây dựng các | 3 | 0 | 90 | 60 | 4 |

| | | | | | | | |
|--|---------|---|-----------|----|-----|-----|------|
| | | chuyên đề dạy học (Hóa học, Vật lí, Khoa học tự nhiên) ở trường phổ thông <i>Practice building topics for teaching subjects (Chemistry/Physics/Natural Sciences) in high schools</i> | | | | | |
| 23 | TTM.821 | Thực tế bộ môn <i>Field trip</i> | 3 | 0 | 90 | 60 | 4 |
| IV. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ | | | 9 | | | | |
| 24 | TTM.800 | Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ <i>Master graduation thesis</i> | 9 | 00 | 270 | 180 | 3, 4 |
| Tổng số tín chỉ tích lũy | | | 60 | | | | |

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Kế hoạch tuyển sinh

- Chỉ tiêu: 10 - 25 học viên/khóa.

2.1.2. Phương thức, phạm vi tuyển sinh

- Thi tuyển hoặc xét tuyển: Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp quyết định việc thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

(Thông tin về tuyển sinh, thi tuyển, xét tuyển, môn thi tuyển có trong Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Đồng Tháp, công khai trên website của Trường và đơn vị liên quan).

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước và nước ngoài (nếu có).

2.1.3. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Chuẩn đầu vào ngoại ngữ

Ứng viên đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Đồng Tháp cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

c) Ứng viên tốt nghiệp ngành chưa phù hợp, phải hoàn tất việc chuyển đổi, bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển hoặc/và xét tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp.

2.1.4. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần với ngành đăng kí đào tạo

| Ngành phù hợp | Ngành gần |
|------------------------------|-----------------------------|
| - Sư phạm Hóa học; | - Cử nhân Hóa học; |
| - Sư phạm Vật lý; | - Kỹ thuật hóa học; |
| - Sư phạm Khoa học tự nhiên; | - Cử nhân Vật lí học; |
| - Sư phạm Công nghệ. | - Cử nhân Vật lí ứng dụng; |
| | - Cử nhân Vật lí công nghệ. |

2.1.5. Học phần bổ sung kiến thức

- Giáo dục học đại cương: 3 tín chỉ

- Lý luận và phương pháp dạy học đại cương: 3 tín chỉ

2.1.6. Môn thi/xét tuyển sinh

- Thi tuyển:

(1). Môn cơ sở: Giáo dục học

(2). Môn cơ bản: Lý luận và phương pháp dạy học

(3). Đánh giá năng lực ngoại ngữ: Trình độ ngoại ngữ bậc 3 (hoặc tương đương) trở lên theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Kế hoạch đào tạo

2.2.1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2.2.2. Khung chương trình đào tạo

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Giờ tín chỉ | | | Tiến độ |
|--|-------------|---|-------------|-------------|-----|-----|---------|
| | | | | LT | ThH | TH | |
| I. Kiến thức chung | | | 10 | | | | |
| 1 | GPS.801 | Triết học <i>Philosophy</i> | 4 | 60 | 00 | 140 | 1 |
| 2 | GEP.801 | Tiếng Anh <i>English</i> | 6 | 60 | 60 | 180 | 1 |
| II. Kiến thức cơ sở ngành | | | 15 | | | | |
| <i>2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i> | | | 9 | | | | |
| 3 | TTM.801 | Lý luận dạy học hiện đại <i>Theory of teaching Modern</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| 4 | TTM.802 | Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>Development of the general education program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| 5 | TTM.803 | Thống kê ứng dụng trong khoa học giáo dục <i>Applied statistics in educational science</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 1 |
| <i>2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</i> | | | 6/12 | | | | |
| 6 | TTM.804 | Dạy học số <i>Digital Training</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 7 | TTM.805 | Phương pháp và công nghệ dạy học hiện đại <i>Modern teaching methods and technology</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 8 | TTM.806 | Giáo dục vì sự phát triển bền vững | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |

| | | | | | | | |
|---|---------|--|-----------|----|----|----|---|
| | | <i>Education for sustainable development</i> | | | | | |
| 9 | TTM.807 | Tổ chức hoạt động nhận thức và tích cực hóa quá trình học tập <i>Organizing the cognitive activities and promoting the learning process</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| III. Kiến thức chuyên ngành | | | 20 | | | | |
| <i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i> | | | <i>14</i> | | | | |
| 10 | TTM.808 | Dạy học phát triển năng lực và phẩm chất của người học ở trường phổ thông <i>Teaching to develop the capacity and qualities of learners in high schools</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 11 | TTM.809 | Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học <i>Assessment in education towards development qualities and competencies of Students</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 2 |
| 12 | TTM.810 | Thiết kế phương tiện và học liệu dạy học ở trường phổ thông <i>Designing facilities and materials of teaching in high schools</i> | 2 | 20 | 20 | 60 | 2 |
| 13 | TTM.811 | Giáo dục STEM ở trường phổ thông <i>Stem education in High school</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 14 | TTM.812 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục <i>Methods of scientific research in education</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |

| 2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn | | | 6/21 | | | | |
|-----------------------------------|---------|---|------|----|----|----|---|
| 15 | TTM.813 | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp ở trường phổ thông <i>Practical experience and career guidance in high school</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 16 | TTM.814 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình hóa học phổ thông <i>Some modern problems in the general chemistry program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 17 | TTM.815 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình vật lí phổ thông <i>Some modern problems in the general physic program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 18 | TTM.816 | Một số vấn đề hiện đại trong chương trình khoa học tự nhiên phổ thông <i>Some modern problems in the general natural science program</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 19 | TTM.817 | Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong dạy học <i>Applying information and communication technology in teaching</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 20 | TTM.818 | Dạy học tích hợp và phân hóa <i>Integrated and differentiated teaching</i> | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |
| 21 | TTM.819 | Các xu hướng mới trong dạy học (Hóa học, Vật lí, Khoa học tự nhiên) ở trường phổ | 3 | 30 | 30 | 90 | 3 |

| | | | | | | | |
|--|---------|--|-----------|----|-----|-----|------|
| | | thông <i>New trends in subject teaching (Chemistry/Physics/Natural Sciences) in high school.</i> | | | | | |
| IV. Thực tập, thực tế | | | 6 | | | | |
| 22 | TTM.820 | Thực hành xây dựng các chuyên đề dạy học (Hóa học, Vật lí, Khoa học tự nhiên) ở trường phổ thông <i>Practice building topics for teaching subjects (Chemistry/Physics/Natural Sciences) in high schools</i> | 3 | 0 | 90 | 60 | 4 |
| 23 | TTM.821 | Thực tế bộ môn <i>Field trip</i> | 3 | 0 | 90 | 60 | 4 |
| IV. Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ | | | 9 | | | | |
| 24 | TTM.800 | Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ <i>Master graduation thesis</i> | 9 | 00 | 270 | 180 | 3, 4 |
| Tổng số tín chỉ tích lũy | | | 60 | | | | |

2.2.4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ

a) Giảng viên cơ hữu

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chuyên ngành đào tạo/Chuyên môn | Ghi chú |
|----|---------------------|-----------------|---------------------------------|-----------|
| 1 | Lê Văn Tùng | TS | Triết học | Môn chung |
| 2 | Lương Thanh Tân | TS | Triết học | Môn chung |
| 3 | Đỗ Minh Hùng | PGS.TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 4 | Phan Ngọc Thạch | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 5 | Lê Thanh Nguyệt Anh | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 6 | Lê Hồng Phương Thảo | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 7 | Lê Thị Tuyết Trinh | PGS. TS | LL&PPDH BM Toán | Phù hợp |

| | | | | |
|----|------------------|----|--------------------------|---------|
| 8 | Nguyễn Quốc Vũ | TS | Lý luận và PPDH | Phù hợp |
| 9 | Dương Huy Cận | TS | LL&PPDH BM Hóa học | Phù hợp |
| 10 | Nguyễn Hoàng Anh | TS | LL&PPDH BM Vật lý | Phù hợp |
| 11 | Lý Huy Hoàng | TS | LL&PPDH BM Hóa học | Phù hợp |
| 12 | Nguyễn Thanh Tâm | TS | Khoa học giáo dục Địa lí | Phù hợp |

b) Giảng viên mời giảng

| TT | Họ và tên | Lĩnh vực nghiên cứu/Chuyên môn | Cơ quan công tác/ Thông tin liên hệ |
|----|-----------------------------|--------------------------------|--|
| 1 | PGS. TS. Cao Cự Giác | LL&PPDH BM Hóa học | Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh |
| 2 | TS. Trang Quang Vinh | LL&PPDH BM Hóa học | Trường ĐH An Giang – ĐHQG TPHCM |
| 3 | TS. Quách Nguyễn Bảo Nguyên | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường ĐH Sư phạm - Đại học Huế |
| 4 | TS. Trần Thị Ngọc Ánh | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường ĐH Sư phạm - Đại học Huế |
| 5 | TS. Nguyễn Minh Thuận | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường THPT Tháp Mười, Đồng Tháp |

2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

2.3.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Nhà trường luôn chú trọng và tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên, cán bộ quản lý trong khoa và tổ bộ môn được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo. Nhà trường luôn có chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho cán bộ giảng viên có trình độ Tiến sĩ phấn đấu đạt tiêu chuẩn phong học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư để đáp ứng yêu cầu đảm nhận chương trình đào tạo khi quy mô đào tạo tăng lên. Bên cạnh đó, về kế hoạch ngắn và trung hạn, tổ bộ môn đã xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Về kế hoạch dài hạn, tổ bộ môn, khoa và nhà trường có kế hoạch đưa cán bộ giảng viên đang thuộc biên chế nhà trường được đi học tập nâng cao trình độ, đủ điều kiện để tham gia giảng dạy khi có yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo.

2.3.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Nhà trường và đơn vị chuyên môn luôn có kế hoạch theo năm và theo đợt 5 năm về vấn đề tăng cường cơ sở vật chất. Nhà trường luôn chú trọng trang bị, nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính mạnh, phòng học, thư viện hiện đại để phục vụ công tác nghiên

cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên của đơn vị, cũng như phục vụ công tác đào tạo trình độ thạc sĩ.

2.3.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ giảng viên của đơn vị luôn chú trọng việc hợp tác với các đồng nghiệp quốc tế trong vấn đề nghiên cứu khoa học nhằm tạo sự kết nối quốc tế và nâng cao chất lượng các công trình khoa học. Điển hình có PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc có mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học đầu ngành như GS. Shrishail Kubakaddi đến từ Ấn Độ, GS. Carlos A. Duque đến từ Columbia, GS. Nikolai A. Poklonski từ Belarus và GS. Elmustapha Feddi từ Morocco; Trong thời gian tới, đội ngũ giảng viên của đơn vị có kế hoạch tiếp tục gìn giữ mối liên kết hiện có và tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà khoa học khác.

Hàng năm đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Lý luận và Phương pháp dạy học và luôn có kế hoạch tổ chức hội thảo và nghiên cứu khoa học cấp khoa. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên luôn có kế hoạch tham dự các hội nghị hội thảo trong nước và quốc tế như Hội nghị Lý luận và thực tiễn giáo dục phổ thông, Hội nghị Khoa học giáo dục, Hội nghị Giáo dục STEM, Hội nghị Khoa học kỹ thuật ở giáo dục phổ thông,... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tạo sự kết nối với cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế.

2.3.4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Người học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10). Trong đó, không có học phần nào dưới 5,5.

- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: Đạt từ 5,5 trở lên.

2.3.5. Mức học phí/người học/năm học, khoá học

Học phí và kinh phí đào tạo thu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2.3.6. Kế hoạch chuẩn hóa chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo:

Chương trình đào tạo sẽ được tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và kiểm định chất lượng đào tạo định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm theo Quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 22/6/2021.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỀ MỞ

NGÀNH ĐÀO TẠO LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa

Cơ cấu tổ chức của Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên gồm Hội đồng khoa và 03 Bộ môn (Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Hóa học). Cơ cấu nhân sự Khoa gồm 32 viên chức: 01 Trưởng khoa (PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc), 01 phó Trưởng khoa (TS. Nguyễn Kim Búp), 02 trưởng bộ môn (TS. Hoàng Thị Nghiệp, TS. Bùi Thị Minh Nguyệt) và 27 viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức và theo ngạch viên chức trong đơn vị.

2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học thực hiện chương trình đào tạo

Bộ môn Sư phạm Khoa học tự nhiên gồm có 03 Bộ môn, đảm nhận giảng dạy ngành Sư phạm Hoá học, Sư phạm Vật lý và ngành Sư phạm khoa học Tự nhiên, thuộc Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Đồng Tháp.

Cán bộ giảng viên của ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên luôn có ý thức học hỏi, học tập nâng cao năng lực chuyên môn. Sau hơn 19 năm phát triển, hiện ngành Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên đã có 08 cán bộ giảng viên, trong đó số cán bộ, giảng viên có học hàm/học vị: PGS: 03 người; Tiến sĩ: 12 người; Thạc sĩ: 17 người (NCS: 06 người); Cử nhân: 01 người.

Bảng 1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu thực hiện chương trình đào tạo

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chuyên ngành đào tạo/Chuyên môn | Ghi chú |
|----|---------------------|-----------------|---------------------------------|---------------|
| 1 | Lê Văn Tùng | TS | Triết học | Môn chung |
| 2 | Lương Thanh Tân | TS | Triết học | Môn chung |
| 3 | Đỗ Minh Hùng | PGS.TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 4 | Phan Ngọc Thạch | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 5 | Lê Thanh Nguyệt Anh | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 6 | Lê Hồng Phương Thảo | TS | Tiếng Anh | Môn chung |
| 7 | Lê Thị Tuyết Trinh | PGS. TS | LL&PPDH BM Toán | Ngành phù hợp |
| 8 | Nguyễn Quốc Vũ | TS | Lý luận và PPDH | Ngành phù hợp |
| 9 | Dương Huy Cẩn | TS | LL&PPDH BM Hóa học | Ngành phù hợp |
| 10 | Nguyễn Hoàng Anh | TS | LL&PPDH BM Vật lý | Ngành phù hợp |
| 11 | Lý Huy Hoàng | TS | LL&PPDH BM Hóa học | Ngành phù |

| | | | | |
|----|------------------|----|--------------------------|---------------|
| | | | | hợp |
| 12 | Nguyễn Thanh Tâm | TS | Khoa học giáo dục Địa lí | Ngành phù hợp |

3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ

Bảng 2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học thỉnh giảng thực hiện chương trình đào tạo

| TT | Họ và tên | Lĩnh vực nghiên cứu/Chuyên môn | Cơ quan công tác/ Thông tin liên hệ |
|----|-----------------------------|--------------------------------|---|
| 1 | PGS. TS. Cao Cự Giác | LL&PPDH BM Hóa học | Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh |
| 2 | TS. Trang Quang Vinh | LL&PPDH BM Hóa học | Trường ĐH An Giang – ĐHQG TPHCM |
| 3 | TS. Quách Nguyễn Bảo Nguyên | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường ĐH Sư phạm - Đại học Huế |
| 4 | TS. Trần Thị Ngọc Anh | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường ĐH Sư phạm - Đại học Huế |
| 5 | TS. Nguyễn Minh Thuận | LL&PPDH bộ môn Vật lý | Trường THPT Tháp Mười, Đồng Tháp |

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường cùng các giảng viên mời giảng đảm bảo thực hiện tốt khối lượng chương trình đào tạo trong Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Mẫu 2 – Phụ lục 2).

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Bên cạnh đó, để từng bước nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Đồng Tháp xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình như sau:

Bảng 3. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

| STT | Họ và tên | Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ | Lộ trình cử đi đào tạo tiến sĩ |
|-----|-------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| 1 | ThS. Trần Thị Thanh Thu | Phương pháp dạy học Vật lý | 2025 |
| 2 | ThS. Phạm Thị Mỹ Hạnh | Phương pháp dạy học Vật lý | 2028 |

IV. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

Khẳng định tổ chức bộ máy quản lý Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ Thạc sĩ.

Trường Đại học Đồng Tháp giao Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên làm đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, các khoa, phòng, ban, trung tâm tham gia đào tạo, hỗ trợ đào tạo theo phân cấp quản lý của Nhà trường. Cơ cấu tổ chức của Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên¹ gồm Hội đồng khoa và 03 Bộ môn (Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Hóa học). Bộ môn Sư phạm Vật lý là đơn vị chuyên môn thuộc Khoa chịu trách nhiệm trực tiếp vận hành tổ chức đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học. Cơ cấu nhân sự Khoa gồm 32 viên chức: 01 Trưởng khoa (PGS. TS. Huỳnh Vĩnh Phúc), 01 phó trưởng khoa (TS. Nguyễn Kim Búp), 02 trưởng bộ môn (TS. Hoàng Thị Nghiệp, TS. Bùi Thị Minh Nguyệt) và 27 viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức và theo ngạch viên chức trong đơn vị. Như vậy, có thể khẳng định tổ chức bộ máy quản lý Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Đặc biệt, ngành Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học trình độ đại học của Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên, trường Đại học Đồng Tháp đã đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88% theo Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo số 207.2022/GCN-CTĐT do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2022 (Phụ lục 7 – Các văn bản chứng minh điều kiện tự mở ngành đào tạo).

V. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

1. Phòng học, giảng đường
Xem Mẫu 6, phụ lục 2.
2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành
Xem Mẫu 8, phụ lục 2.
3. Thiết bị phục vụ đào tạo
Xem Mẫu 8, phụ lục 2.
4. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo
 - Diện tích thư viện: 2.087,88 m²; Diện tích phòng đọc: 800 m²
 - Số chỗ ngồi: 450; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 73
 - Phần mềm quản lý thư viện: Ilib
 - Thư viện điện tử: có số lượng sách, giáo trình điện tử: 122.704

¹Quyết định số 3581/QĐ-ĐHĐT ngày 25/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTT về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

Số liệu TV đang có:

- Tổng số lượng tài liệu điện tử nội sinh của trường: 2.293 tên gồm sách, giáo trình, luận văn, luận án. Trong đó nếu chỉ có sách, giáo trình điện tử: 94 tên sách.

- Sách in: 25.880 đầu, 118.360 bản.

5. Mạng công nghệ thông tin

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng, không để xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải.

Bảng 4. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

| TT | Danh mục Cơ sở vật chất | Số lượng | Lộ trình | Đơn vị thực hiện |
|----|---|---------------------------------|--------------|---|
| 1 | Nâng cấp hệ thống máy tính cả về số lượng (mua mới) và chất lượng (nâng cấu hình). | 02 bộ | 2023 | Phòng Thiết bị và Xây dựng cơ bản |
| 2 | Bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học ngành Lý luận và phương pháp dạy học | Theo Đề cương chi tiết học phần | 2023 | Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng Khoa SP KHTN |
| 3 | Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo | Mua sắm thường xuyên | Thường xuyên | Khoa SP KHTN Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng |

(Xem mẫu 6,7,8 – Phụ lục 2)

VI. Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Các đề tài nghiên cứu của GV cơ hữu đã thực hiện

Xem mẫu 4, Phụ lục 2.

2. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và dự kiến người hướng dẫn kèm theo

| TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học | Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học | Số lượng học viên có thể tiếp nhận |
|----|--|---|------------------------------------|
| 1 | Vận dụng các quan điểm dạy học, lý thuyết dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông. | Lê Thị Tuyết Trinh/PGS | 03 |
| 2 | Nghiên cứu phát triển các năng lực đặc thù trong dạy học ở phổ thông | Dương Huy Cận/TS | 03 |
| 3 | Nghiên cứu vận dụng các phương pháp dạy | Nguyễn Quốc Vũ/TS | 03 |

| | | | |
|----|---|----------------------------|----|
| | học hiệu quả trong dạy học môn học. | | |
| 4 | Nghiên cứu về kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực trong dạy học ở phổ thông | Nguyễn Hoàng Anh/TS | 03 |
| 5 | Nghiên cứu sử dụng công nghệ thông tin theo hướng phát triển năng lực học sinh | Lý Huy Hoàng/TS | 03 |
| 6 | Nghiên cứu vận dụng tri thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống | Quách Nguyễn Bảo Nguyên/TS | 03 |
| 7 | Nghiên cứu các hoạt động thực hành trải nghiệm trong dạy học | Nguyễn Minh Thuận/TS | 03 |
| 8 | Nghiên cứu STEM trong dạy học ở phổ thông | Trần Thị Ngọc Ánh/TS | 03 |
| 9 | Nghiên cứu sử dụng học liệu trong dạy học các môn học theo hướng phát triển năng lực học sinh | Cao Cự Giác/PGS | 03 |
| 10 | Nghiên cứu quan điểm dạy học phân hoá trong dạy học ở trường phổ thông | Trang Quang Vinh/TS | 03 |

3. Các công trình đã công bố của giảng viên cơ hữu.

Xem mẫu 5, Phụ lục 2

VII. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Từ năm 2020 đến nay, Trường Đại học Đồng Tháp đã thực hiện được một số hoạt động hợp tác quốc tế như:

- Các quan hệ hợp tác, hội nghị hội thảo quốc tế, các thoả thuận hợp tác: đã ký kết 45 biên bản ghi nhớ, thoả thuận hợp tác về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, có 14 biên bản ghi nhớ, thoả thuận hợp tác kết nối với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thực tập nghề nghiệp cho sinh viên của Trường, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, dự kiến sẽ mở 01 lớp bổ sung kiến thức chuyên ngành dệt may theo đặt hàng của Tập đoàn LuThai hợp tác với Học viện Nghề và Kỹ thuật Sơn Đông (Trung Quốc); đang thực hiện xây dựng chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Kỹ thuật Cần Ích (Đài Loan) về ngành Công nghệ thông tin, dự kiến đại diện Khoa Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kỹ thuật Cần Ích sẽ đến Trường để thống nhất các nội dung chi tiết của chương trình vào tháng 8/2023.

Chương trình tuyển sinh sinh viên quốc tế năm 2023 đang xúc tiến với phía Sở Giáo dục và Thể thao Champask, Lào.

Riêng trong năm 2023, Trường đã tham dự Chương trình SEA-Teacher lần thứ 9, ký biên bản thoả thuận hợp tác với Ban Thư ký SEAMEO (Thái Lan) và 23 Trường đại học trong khu vực về trao đổi sinh viên sư phạm. Trường đã tiếp nhận 20 sinh viên sư phạm đến trao đổi, hiện có 11 sinh viên ngành sư phạm đăng ký tham gia chương trình trao đổi tại Thái Lan và Phi-lip-pin trong tháng 8/2023, có 45 sinh viên ngành sư phạm của các nước cũng đã đăng ký tham gia chương trình này tại Trường Đại học Đồng Tháp vào tháng 8/2023.

- Đã và đang thực hiện 7 chương trình quốc tế được tài trợ: Chương trình học bổng Women's Empowerment and Voice (WEAV), Chương trình học bổng Women's Empowerment and Voice (WEAV), Chương trình học bổng Women's Empowerment and Voice (WEAV), LSQ Ấn Độ, Continental, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, ERUSMUS.

- VIETMUS là dự án thúc đẩy chuyên đổi số và tạo ra năng lực số mới trong giảng dạy và biểu diễn trong các cơ sở giáo dục âm nhạc của Việt Nam, trong đó Trường Đại học Đồng Tháp được quỹ ERUSMUS của Châu Âu tài trợ 29.479 E và sẽ khởi động vào tháng 9/2023 tại Ý. Hiện đang trong giai đoạn làm thủ tục nhận tài trợ theo NĐ80.

- Sử dụng tốt và hiệu quả các học giả Fulbright trong công tác giảng dạy, hội thảo khoa học.

- Tổ chức nhiều đoàn cán bộ giảng viên đi tham quan học tập ở Lào, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Hoa Kỳ.

- Tiếp đón 57 đoàn khách nước ngoài, các nhà khoa học, chuyên gia, tình nguyện viên về thăm và làm việc với trường về trao đổi học giả, sinh viên, công tác xã hội...

- Hiện tại có hơn 9 CBGV tham gia tập huấn, hội thảo, học tập ngắn hạn, NCKH, công tác ở nước ngoài; 03 giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại trường.

VIII. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

Từ tiếp cận SWOT, Nhà trường xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học như sau: (i) *điểm mạnh* là có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng động, tích cực, có trách nhiệm, có khả năng làm việc với cường độ cao, giảng viên có tâm huyết; có cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ cho đổi mới phương pháp giảng dạy; có khả năng linh hoạt trong đổi mới chương trình đào tạo; (ii) *điểm yếu* là thiếu kinh nghiệm, chính sách tạo động lực chưa cao; (iii) *cơ hội* là nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Lý luận và phương pháp dạy học rất cao; và (iv) *thách thức* là mức độ cạnh tranh cao giữa các trường đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học; nhu cầu về chất lượng nhân lực ngày càng cao, điều này đòi hỏi ngành Lý luận và phương pháp dạy học phải không ngừng cải tiến về chất lượng; mong đợi của người học và nhà sử dụng lao động. Để phát huy điểm mạnh, tận dụng cơ hội cũng như khắc phục điểm yếu, giải quyết các thách thức, Nhà trường xác định các phương án, giải pháp như sau:

1. Tập trung quản lý đầu vào, quá trình đào tạo và kết quả đầu ra (Mô hình CIPO)

Quản lý đầu vào

Việc xác định nhu cầu đào tạo đối với ngành Lý luận và phương pháp dạy học ở Trường đại học Đồng Tháp là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản lý đào tạo. Qua đó, giúp Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng cho đào tạo, như: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo một cách có cơ sở khoa học và thực tiễn. Từ đó, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu xã hội về số lượng cũng như chất lượng đào tạo. Việc làm này giúp giải quyết được bài toán giữa nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của Nhà trường.

Để đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học đáp ứng được nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định mục tiêu đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học:

Bao gồm Kiến thức, kỹ năng, thái độ, thói quen làm việc; chuẩn trình độ nghề giáo viên phổ thông; các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên môn và thực hành nghề giáo viên phổ thông được thể hiện bằng các đề cương môn học hoặc các chuyên đề đào tạo với thời lượng tương ứng; quá trình tự thực hiện và đánh giá kết quả trong khóa đào tạo. Bên cạnh đó Nhà trường có kế hoạch:

- Rà soát đội ngũ và có phát triển đội ngũ ngành Lý luận và phương pháp dạy học kịp thời. Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực giảng viên ngành Lý luận và phương pháp dạy học.

- Chú trọng công tác tuyển sinh, chất lượng sinh viên đầu vào.

- Xây dựng chương trình đào tạo (tham khảo, đối sánh các trường đại học có đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học uy tín trong nước và quốc tế).

- Rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu, giáo trình, bài giảng đảm bảo cho học viên học tập, nghiên cứu.

Quản lý quá trình đào tạo

Quản lý quá trình dạy và học là một quá trình kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa việc dạy và học cần được hoàn thành trọn vẹn từ khâu chuẩn bị ban đầu cho đến khi có kết quả cuối cùng. Thấy được những nguy cơ trong quá trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, Nhà trường đã dự báo yếu tố có liên quan; phân tích hiện trạng; xác định mục tiêu; xây dựng hệ thống các giải pháp thực hiện kế hoạch đào tạo, nội dung đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, đồng thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đào tạo.

Tổ chức, phối hợp với các đơn vị sử dụng nhân lực ngành Lý luận và phương pháp dạy học để học viên được trải nghiệm, rèn nghề. Phối hợp với các trường có đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học để trao đổi kinh nghiệm trong học tập, giảng dạy.

Thường xuyên cập nhật, phát triển chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học toán đạt chuẩn trong nước và hướng đến đạt chuẩn quốc tế.

Quản lý các yếu tố đầu ra

Kết quả đầu ra có sự gắn kết với kết quả đầu vào và quá trình đào tạo. Nếu kết quả đầu vào và quá trình đào tạo có chất lượng sẽ cho kết quả đầu ra có chất lượng. Tuy vậy, để đánh giá đúng kết quả đầu ra cần có nhiều thông tin từ người học, từ đơn vị sử dụng lao động. Chính vì vậy, xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra của học viên ngành Lý luận và phương pháp dạy học, Nhà trường đã có kế hoạch, dự báo để đánh giá đúng chất lượng đầu ra bảo đảm sự hài lòng của người học, hài lòng của đơn vị sử dụng lao động và xã hội.

2. Quản lý những rủi ro khi mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học

Quá trình quản lý rủi ro là một phần không tách rời của quản lý, đặc biệt khi phân tích SWOT cho thấy có nhiều rủi ro khi mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học. Nhận thấy những nguy cơ này, Nhà trường đã thực hiện các bước nhằm xây dựng kế hoạch khắc phục những nguy cơ trong khi mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học như sau: (i) rủi ro đến chất lượng nguồn nhân lực; (ii) rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo; (iii) rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên chuyên công tác; (iv) rủi ro trong chất lượng tuyển sinh; (v) rủi ro chất lượng đầu ra; (vi) rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được mã ngành đào tạo.

Để khắc phục 6 rủi ro như dự báo. Nhà trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp sau: *Một là*, rà soát đội ngũ nguồn nhân lực đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; *Hai là*, thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực ngành Lý luận và phương pháp dạy học, thị trường lao động vùng ĐBSCL; đầu tư công của Nhà nước, chính sách của Nhà nước phát triển vùng ĐBSCL; chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành Lý luận và phương pháp dạy học ở các tỉnh vùng ĐBSCL; *Ba là*, thu thập thông tin, đánh giá về tình hình kinh tế, xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long; *Bốn là*, tìm hiểu các cơ sở đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học để phân tích tính cạnh tranh khi mở mã ngành; *Năm là*, trao đổi thông tin, tham gia và tham vấn các chuyên gia về những rủi ro, nguyên nhân rủi ro, hậu quả xảy ra; Biện pháp kiểm soát rủi ro; thúc đẩy việc trao đổi thông tin một cách trung thực, dễ hiểu và chính xác, có tính đến khía cạnh bảo mật; *Sáu là*, tập trung lãnh chỉ đạo, quản lý đào tạo ngành luật từ kết quả đầu vào, quá trình và đầu ra. Đồng thời thường xuyên đánh giá tình hình bối cảnh để đào tạo nhân lực, phát triển chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học được cập nhật mới, đáp ứng sự hài lòng của người học, mong đợi của đơn vị sử dụng lao động và mong đợi của xã hội.

IX. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án

Đề án mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp được xây dựng dựa theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Đề án này được xây dựng dưới sự chủ trì của Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên, được triển khai theo trình tự sau:

Từ 01/12/2022 đến 12/12/2022, Khoa Sư phạm Khoa học tự nhiên tiến hành nghiên cứu các cơ sở pháp lý và thực tiễn, xây dựng đề xuất chủ trương mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, mã ngành 8140110.

Từ đề xuất của Khoa, ngày 13/12/2022, phòng Đào tạo Sau đại học - đơn vị trực tiếp quản lý hoạt động đào tạo sau đại học đã trình Hiệu trưởng Trường ĐHTT Đề nghị số 197/ĐN-ĐTSDH về việc lấy ý kiến xem xét của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về điều kiện mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Ngày 15/12/2022, Hiệu trưởng Trường ĐHTT đã có công văn số 2175/ĐHTT-ĐTSDH đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho ý kiến về các điều kiện mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHTT tổ chức thẩm định, nhất trí thông qua và đề xuất cho Hiệu trưởng chủ trương mở ngành bằng Biên bản cuộc họp ngày 20/12/2022.

Trên cơ sở đề xuất thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường ĐHTT báo cáo Hội đồng Trường chủ trương mở ngành. Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp đã xem xét và ban hành Nghị Quyết số 102/NQ-HĐKHĐT ngày 05

tháng 1 năm 2023, trong đó có chủ trương mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8140110.

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường ĐHĐT ban hành Quyết định số 193/QĐ-ĐHĐT ngày 11 tháng 1 năm 2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học và Quyết định số 194/QĐ-ĐHĐT ngày 11 tháng 1 năm 2023 về việc thành lập Ban xây dựng Đề án và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học.

Ban xây dựng Đề án và chương trình đào tạo đã xây dựng chương trình đào tạo một cách khẩn trương, khoa học, tuân thủ các quy định hiện hành. Trên cơ sở chương trình đào tạo được xây dựng, Hiệu trưởng Trường ĐHĐT ban hành Quyết định số 1771/QĐ-ĐHĐT ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ. Hội đồng thẩm định đã đánh giá cao và nhất trí thông qua chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, khẳng định chương trình đáp ứng đủ điều kiện áp dụng cho tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành.

Căn cứ vào kết quả của phiên họp Hội đồng thẩm định, Ban xây dựng chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học đã tiến hành giải trình, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Trên cơ sở Đề nghị số 54/ĐN-SPKHTN ngày 12/6/2023 của Khoa SP Khoa học Tự nhiên và Đề nghị số 68/ĐN-ĐTSDH ngày 12/6/2023 của Phòng Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp đã gửi Công văn số 2441/ĐHĐT-ĐTSDH ngày 13/6/2023 đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành thẩm định Đề án mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Ngày 20/6/2023 theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường ĐHĐT đã ban hành Quyết định số 2563/QĐ-ĐHĐT về việc thành lập Tổ kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ và Quyết định số 2562/QĐ-ĐHĐT về việc thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giám sát Hội đồng thẩm định Đề án mở Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Ngày 12/7/2023 Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ đã tiến hành họp thẩm định và thống nhất đưa ra kết luận Đề án đáp ứng điều kiện mở ngành theo quy định hiện hành.

Ngày 25/7/2023 Hiệu trưởng Trường ĐHĐT ký Quyết định số 3527/QĐ-ĐHĐT về việc ban hành Đề án mở ngành đào tạo Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

Ngày 25/7/2023 Hiệu trưởng Trường ĐHĐT ký Quyết định số 3528/QĐ-ĐHĐT về việc ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ.

X. Cam kết thực hiện

Đề án mở ngành Lý luận và Phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ với đầy đủ minh chứng về các điều kiện về chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên; cơ sở vật

chất; trang thiết bị; thư viện, tổ chức bộ máy quản lý; phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo,... đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định thông qua, đủ điều kiện mở ngành theo các quy định hiện hành.

Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường ĐHĐT là <https://dthu.edu.vn>. Đề án mở ngành được công khai tại website <https://dthu.edu.vn>.

Cam kết triển khai thực hiện: Trường ĐHĐT cam kết triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Tháp, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG
 Hồ Văn Thống

